

TỔNG CTY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC  
CÔNG TY CP BỘT MỖ VINAFOOD 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 178 /TTr-VNF1FLOUR-HĐQT

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2021

## TỜ TRÌNH

Về việc Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động  
Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1

Căn cứ Luật Doanh nghiệp Số 59/2020/QH14 ngày 28/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ về Quy định một số điều của Luật Chứng khoán, Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1 đã tiến hành dự thảo sửa đổi bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty cổ phần;

Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1 kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua sửa đổi bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1 để chính thức ban hành theo quy định.

*Dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ được đính kèm Tờ trình và đọc toàn văn tại Đại hội.*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- Lưu: VT.



Phạm Văn Sơn

DỰ THẢO



**SỮA ĐÓI BỔ SUNG TÀI ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA  
CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT MỖ VINAFOOD 1**

Điều khoản đề xuất sửa	Nội dung điều lệ cũ của Công ty	Nội dung điều lệ đề xuất sửa	Lý do, căn cứ đề xuất sửa
<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p>	<p>Khoản 1 Điều 1 b) "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIII; c) "Luật Chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010; k) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.</p>	<p>Khoản 1 Điều 1 b) "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV; c) "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH 14 ngày 26/11/2019; k) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.</p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.  Luật Chứng khoán 2019 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật CK năm 2006.</p>
<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của công ty</p>	<p>Khoản 2 Điều 3 2. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty: Người đại diện theo pháp luật của công ty có trách nhiệm theo quy định tại Điều 14 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Khoản 2 Điều 3 2. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty: Người đại diện theo pháp luật của công ty có trách nhiệm theo quy định tại Điều 13 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.</p>
<p>Điều 15. Chào bán, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp</p>	<p>Khoản 2 Điều 15</p>	<p>Khoản 2 Điều 15 (chỉ dùng cho Cty không phải là Cty đại chúng)</p>	<p>Công ty CP Bột mỳ Vinafood1 là Cty đại chúng.</p>

Điều khoản đề xuất sửa	Nội dung điều lệ cũ của Công ty	Nội dung điều lệ đề xuất sửa	Lý do, căn cứ đề xuất sửa
cổ phần	Khoản 4 Điều 15 Đ) Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ được quy định tại Khoản 2, Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty.	Khoản 4 Điều 15 Đ) Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ được quy định tại Khoản 2, Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty.	Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.
Điều 16. Thu hồi cổ phần và thanh toán tiền cổ phần mua lại hoặc cổ tức	Khoản 1 Điều 16 đ) Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tài sản phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	Khoản 1 Điều 16 đ) Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tài sản phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.
	Khoản 2 Điều 16 2. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức: Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 131 của Luật Doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp thì các cổ đông phải trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả lại cho Công ty thì các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông	Khoản 2 Điều 16 2. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức: Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 134 của Luật Doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 135 Luật Doanh nghiệp thì các cổ đông phải trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả lại cho Công ty thì các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.	

Điều khoản để xuất sửa	Nội dung điều lệ cũ của Công ty	Nội dung điều lệ đề xuất sửa	Lý do, căn cứ để xuất sửa
Điều 17. Mua lại cổ phần	mà chưa được hoàn lại.  Khoản 3 Điều 17 a) Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. b) Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 129 và 130 của Luật Doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4, Điều 111 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.	Khoản 3 Điều 17 a) Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật Doanh nghiệp, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. b) Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật Doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4, Điều 112 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.	Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.
Điều 19. Quyền cổ đông	Khoản 3 Điều 19 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau: a) Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát; b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các Điều 114 và 136	Khoản 3 Điều 19 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các Điều 115 và	Sửa đổi phù hợp khoản 2, Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.

Điều khoản đề xuất sửa	Nội dung điều lệ cũ của Công ty	Nội dung điều lệ đề xuất sửa	Lý do, căn cứ đề xuất sửa
	<p>Luật Doanh nghiệp;;</p> <p>c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông; Xem xét và trích lục sổ biên bản họp và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;</p> <p>d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>đ) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Xem xét và trích lục sổ biên bản họp và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và các tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;</p> <p>d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>đ) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.</p>	
	<p>Khoản 4 Điều 19</p>	<p>Khoản 4 Điều 19</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 5, Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ</p>

Điều khoản đề xuất sửa	Nội dung điều lệ cũ của Công ty	Nội dung điều lệ đề xuất sửa	Lý do, căn cứ đề xuất sửa
Điều 20. Nghĩa vụ cổ đông	Khoản 7 Điều 20 7. (Chưa có)	Khoản 7 Điều 20 7. Bảo mật thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.	Bổ sung theo khoản 5, Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.
Điều 22. Đại hội đồng cổ đông	Khoản 1 Điều 22 1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức họp mỗi năm 1 lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn thời hạn họp Đại hội đồng cổ đông, nhưng không quá 6 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Khoản 1 Điều 22 1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức họp mỗi năm 1 lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 6 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Sửa đổi phù hợp khoản 2, Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.
	Khoản 3 Điều 22 đ) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ	Khoản 3 Điều 22 đ) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường bằng văn bản kiến nghị. Văn bản kiến	Sửa đổi phù hợp khoản 2, Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ

Điều khoản đề xuất sửa	Nội dung điều lệ cũ của Công ty	Nội dung điều lệ đề xuất sửa	Lý do, căn cứ đề xuất sửa
	<p>đồng bất thường bằng văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan. Văn bản kiến nghị có thể được lập thành nhiều bản đề có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông liên quan.</p>	<p>ngợi triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan. Văn bản kiến nghị có thể được lập thành nhiều bản đề có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông liên quan.</p>	<p>01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.</p>
	<p>Khoản 4 Điều 22</p> <p>a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu của Ban Kiểm soát hoặc yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</p>	<p>Khoản 4 Điều 22</p> <p>a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu của Ban Kiểm soát hoặc yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 2, Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.</p>
	<p>Khoản 5, Điều 22</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc nêu tại Khoản 7, Điều 136 Luật Doanh nghiệp để tổ chức Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Khoản 5, Điều 22</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc nêu tại Khoản 5, Điều 140 Luật Doanh nghiệp để tổ chức Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>Điều 23. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng</p>	<p>Khoản 2, Điều 23</p> <p>d) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</p>	<p>Khoản 2, Điều 23</p> <p>d) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bất miễn kiểm toán độc lập</p>	<p>Bổ sung theo điểm m), khoản 1, Điều 138. Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ</p>

Điều khoản đề xuất sửa	Nội dung điều lệ cũ của Công ty	Nội dung điều lệ đề xuất sửa	Lý do, căn cứ đề xuất sửa
cổ đông		khi xét thấy cần thiết.	01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.
	<p>Đ) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>n) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p>	<p>Đ) Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p> <p>n) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>o) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</p> <p>p) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát.</p> <p>q) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>Bổ sung theo điểm k), khoản 1, Điều 138</p> <p>Bổ sung theo điểm b), khoản 3, Điều 167</p> <p>Bổ sung theo điểm l), khoản 1, Điều 138</p> <p>Điểm o) thành điểm q)</p>
Điều 24. Đại diện theo ủy quyền của cổ đông	<p>Khoản 3, Điều 24</p> <p>3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p>	<p>Khoản 3, Điều 24</p> <p>3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo các quy định của pháp luật về dân sự và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p>	<p>Bổ sung theo khoản 2, Điều 144.</p> <p>Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.</p>
Điều 25. Triệu tập	<p>Khoản 2, Điều 25</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia</p>	<p>Khoản 2, Điều 25</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia</p>	<p>Bổ sung theo khoản 1, Điều 141.</p>



Điều khoản đề xuất sửa	Nội dung điều lệ cũ của Công ty	Nội dung điều lệ đề xuất sửa	Lý do, căn cứ đề xuất sửa
DHDCE, chương trình hợp và thông báo hợp DHDCE	và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;	và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;	Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.
	Khoản 4, Điều 25 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.	Khoản 4, Điều 25 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.	Sửa đổi phù hợp Khoản 2, Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.
	Khoản 5, Điều 25 b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3, Điều 19 của Điều lệ này;	Khoản 5, Điều 25 b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 3, Điều 19 của Điều lệ này;	Sửa đổi phù hợp Khoản 2, Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.

Điều khoản để xuất sửa	Nội dung điều lệ cũ của Công ty	Nội dung điều lệ đề xuất sửa	Lý do, căn cứ đề xuất sửa
	Chưa có	d) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối Kiến nghị, chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi phù hợp khoản 3, Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.
Điều 26. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Khoản 1, Điều 26 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.	Khoản 1, Điều 26 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết.	Sửa đổi phù hợp khoản 1, Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.
Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các quyết định của DHDGD	Khoản 7, Điều 29 7. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và thông báo đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.	Khoản 7, Điều 29 7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.	Sửa đổi phù hợp khoản 6, Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.
Điều 30. Biên bản họp DHDGD	Khoản 1, Điều 30 i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.	Khoản 1, Điều 30 i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham gia dự họp ký và có	Sửa đổi phù hợp điểm i), khoản 1, Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế

Điều khoản đề xuất sửa	Nội dung điều lệ cũ của Công ty	Nội dung điều lệ đề xuất sửa	Lý do, căn cứ đề xuất sửa
Điều 32. Cơ cấu, nhiệm kỳ, trách nhiệm của TV.HDQT	Khoản 3, Điều 32 3. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp Nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phân đới thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết đó.	Khoản 3, Điều 32 3. Trường hợp Nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phân đới thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định đó.	Sửa đổi phù hợp khoản 4, Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.
Điều 33. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT	Khoản 1, Điều 33 1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp.	Khoản 1, Điều 33 1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp.	Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.
Điều 34. Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT	Khoản 2, Điều 34 đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;	Khoản 2, Điều 34 đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;	Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế

Điều khoản đề xuất sửa	Nội dung điều lệ cũ của Công ty	Nội dung điều lệ đề xuất sửa	Lý do, căn cứ đề xuất sửa
	<p>Đ) Quyết định việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với các hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 135, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Đ) Quyết định việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với các hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Luật DN 2014.</p>
<p>Điều 35. Đề cử, ứng cử, miễn nhiệm, thay thế hoặc bổ sung TV.HDQT</p>	<p>Khoản 2, Điều 35</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn ít nhất là 06 tháng đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông biết chậm nhất trước khi khai mạc DHDGD.</p>	<p>Khoản 2, Điều 35</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% số cổ phần phổ thông trở lên đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông biết chậm nhất trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 5, Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.</p>
	<p>Khoản 3, Điều 35</p> <p>a) Phát hiện thành viên Hội đồng quản trị không đủ tiêu chuẩn và điều kiện là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Khoản 3, Điều 35</p> <p>a) Phát hiện thành viên Hội đồng quản trị không đủ tiêu chuẩn và điều kiện là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.</p>
<p>Điều 36. Chủ tịch HĐQT</p>	<p>Khoản 1, Điều 36</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 32 của Điều lệ này.</p>	<p>Khoản 1, Điều 36</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 32 của Điều lệ này. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc</p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.</p>

Điều khoản đề xuất sửa	Nội dung điều lệ cũ của Công ty	Nội dung điều lệ đề xuất sửa	Lý do, căn cứ đề xuất sửa
		theo quy định tại khoản 2, Điều 156 Luật Doanh nghiệp.	
	Khoản 2, Điều 36 3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt, thì thành viên được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền sẽ thực hiện quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị mất khả năng thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao thì các thành viên còn lại bầu một trong số thành viên còn lại tạm thời giữa chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quá bán.	Khoản 2, Điều 36 3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt, thì thành viên được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền sẽ thực hiện quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số thành viên giữa chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	Sửa đổi phù hợp khoản 4, Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.
Điều 37. Cuộc họp của HĐQT	Khoản 1, Điều 37 1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành chậm nhất 07 ngày làm việc, kể từ ngày bầu xong Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó; do thành viên có số phiếu cao nhất triệu tập; trường hợp có nhiều người có phiếu cao trùng nhau thì bầu 01 người triệu tập họp, theo nguyên tắc	Khoản 1, Điều 37 1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành chậm nhất 07 ngày làm việc, kể từ ngày bầu xong Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó; do thành viên có số phiếu cao nhất triệu tập; trường hợp có nhiều người có phiếu cao trùng nhau thì bầu 01 người triệu tập họp, theo nguyên tắc	Sửa đổi phù hợp khoản 5, Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.

Điều khoản để xuất sửa	Nội dung điều lệ cũ của Công ty	Nội dung điều lệ đề xuất sửa	Lý do, căn cứ để xuất sửa
	<p>quá bán. Trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị do cổ đông tổ chức nắm giữ từ 10% vốn điều lệ liên tục trong 6 tháng giới thiệu đề ứng cử xin từ chức chức danh thành viên HĐQT hoặc cổ đông tổ chức yêu cầu tạm ngưng điều hành công việc với tư cách là thành viên HĐQT trước cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị vừa được bầu (trong vòng 7 ngày kể từ ngày họp DHDGD) thì theo yêu cầu của cổ đông tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường đề bầu bổ sung thành viên thay thế, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ cũ có nghĩa vụ tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường đề bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị theo yêu cầu của cổ đông tổ chức phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>quá bán. Trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị do cổ đông tổ chức nắm giữ từ 10% vốn điều lệ giới thiệu đề ứng cử xin từ chức chức danh thành viên HĐQT hoặc cổ đông tổ chức yêu cầu tạm ngưng điều hành công việc với tư cách là thành viên HĐQT trước cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị vừa được bầu (trong vòng 7 ngày kể từ ngày họp DHDGD) thì theo yêu cầu của cổ đông tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường đề bầu bổ sung thành viên thay thế, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ cũ có nghĩa vụ tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường đề bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị theo yêu cầu của cổ đông tổ chức phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
	<p>Khoản 2, Điều 37</p> <p>đ) Người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp đến các thành viên Hội đồng quản trị trước 05 ngày làm việc theo ngày dự kiến họp; thông báo phải ghi rõ địa điểm, thời gian họp; kèm theo thông báo mời họp phải có chương trình, các tài liệu liên quan đến cuộc họp và dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề cuộc họp; thông báo đồng thời phải gửi đến các thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc như các thành viên Hội đồng quản trị; Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng</p>	<p>Khoản 2, Điều 37</p> <p>đ) Người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp đến các thành viên Hội đồng quản trị trước 03 ngày làm việc theo ngày dự kiến họp; thông báo phải ghi rõ địa điểm, thời gian họp; kèm theo thông báo mời họp phải có chương trình, các tài liệu liên quan đến cuộc họp và dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề cuộc họp; thông báo đồng thời phải gửi đến các thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc như các thành viên Hội đồng quản trị; Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 6, Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.</p>



Điều khoản đề xuất sửa	Nội dung điều lệ cũ của Công ty	Nội dung điều lệ đề xuất sửa	Lý do, căn cứ đề xuất sửa
Điều 38. Biên bản họp của HĐQT	quản trị được đăng ký tại Công ty.  Khoản 2, Điều 38 a) Thời gian, địa điểm dự họp; b) Họ và tên các thành viên dự họp; Họ và tên các thành viên không dự họp và lý do; c) Nội dung các chương trình được thảo luận; d) Tóm tắt các ý kiến phát biểu của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến cuộc họp; đ) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, thành viên không tán thành và thành viên không có ý kiến; e) Các quyết định, kết luận được Hội đồng quản trị thông qua; g) Các ý kiến bảo lưu; h) Chữ ký Chủ tọa và Thư ký cuộc họp.	Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.  Khoản 2, Điều 38 a) Tên trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b) Thời gian, địa điểm họp ; c) Nội dung các chương trình họp; d) Họ và tên các thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; Họ và tên các thành viên không dự họp và lý do; đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; e) Tóm tắt các ý kiến phát biểu của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến cuộc họp; g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; h) Các vấn đề được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng. i) Chữ ký Chủ tọa và Thư ký cuộc họp.	Bổ sung phù hợp khoản 1, Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.
	Khoản 3, Điều 38 3. Biên bản ghi phải được thông qua Hội đồng quản trị trước khi kết thúc cuộc họp; và phải có đầy đủ họ, tên, chữ ký các thành viên Hội đồng quản trị (hoặc đại diện theo ủy quyền) dự họp. Trường hợp nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua họp pháp, mà thành viên Hội đồng quản trị (hoặc đại diện theo ủy quyền) thiếu số dự họp từ chối ký vào Biên bản, thì chữ ký xác	Khoản 3, Điều 38 3. Biên bản ghi phải được thông qua Hội đồng quản trị trước khi kết thúc cuộc họp; và phải có đầy đủ họ, tên, chữ ký các thành viên Hội đồng quản trị (hoặc đại diện theo ủy quyền) dự họp. Trường hợp nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua họp pháp, mà thành viên Hội đồng quản trị (hoặc đại diện theo ủy quyền) thiếu số dự họp từ chối ký vào Biên bản, thì chữ ký xác	Bổ sung phù hợp khoản 2, Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.

Điều khoản đề xuất sửa	Nội dung điều lệ cũ của Công ty	Nội dung điều lệ đề xuất sửa	Lý do, căn cứ đề xuất sửa
	nhận tham dự họp được coi là chữ ký của họ tại Biên bản cuộc họp.	nhận tham dự họp được coi là chữ ký của họ tại Biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, người ghi bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham gia dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 2 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	
Điều 42. Giám đốc	Khoản 2, Điều 42 Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 65 Luật Doanh nghiệp.	Khoản 2, Điều 42 Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 64 Luật Doanh nghiệp.	Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.
Điều 43. Tiêu chuẩn bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với GD công ty	Khoản 5, Điều 43 5. Chưa có	Khoản 5, Điều 43 5. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và Công ty mẹ.	Bổ sung phù hợp theo điểm a) khoản 5, Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.
Điều 51. Cơ cấu, tiêu chuẩn Kiểm soát viên và nhiệm kỳ Ban kiểm soát	Khoản 1, Điều 51 Ban Kiểm soát gồm 03 Kiểm soát viên, trong đó ít nhất có 01 kiểm soát viên có chuyên môn là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ, là cổ đông của Công ty, làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số.	Khoản 1, Điều 51 Ban Kiểm soát gồm 03 Kiểm soát viên, trong đó ít nhất có 01 kiểm soát viên có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, luật, quản trị kinh doanh. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ, là cổ đông của Công	Bổ sung phù hợp theo khoản 2, Điều 168 Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.



Điều khoản đề xuất sửa	Nội dung điều lệ cũ của Công ty	Nội dung điều lệ đề xuất sửa	Lý do, căn cứ đề xuất sửa
	Khoản 2, Điều 51 đ) (chưa có bổ sung)	Khoản 2, Điều 51 đ) Kiểm soát viên không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp Công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty mẹ và Công ty.	Bổ sung phù hợp theo khoản 2, Điều 168 và khoản 1 và 2, Điều 169.
Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	Khoản 3, Điều 52 3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình lên Đại hội đồng cổ đông tại các cuộc họp thường niên.	Khoản 3, Điều 52 3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình lên Đại hội đồng cổ đông tại các cuộc họp thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung theo Khoản 3, Điều 170. Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.
Điều 57. Hợp đồng và giao dịch của giao dịch của	Hợp đồng và giao dịch của Công ty hoặc Chi nhánh phải thông qua Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh	Hợp đồng và giao dịch của Công ty hoặc Chi nhánh phải thông qua Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh	Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 thay thế Điều 162 Luật DN



Điều khoản đề xuất sửa	Nội dung điều lệ cũ của Công ty	Nội dung điều lệ đề xuất sửa	Lý do, căn cứ đề xuất sửa
Công ty hoặc Chi nhánh ...	nghiệp. Mục C, Khoản 1, Điều 57 c) Các doanh nghiệp quy định tại Khoản 2, Điều 159 Luật Doanh nghiệp.	nghiệp. Mục C, Khoản 1, Điều 57 c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật này.	2014. Sửa đổi bổ sung theo Mục C, Khoản 1, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.
Điều 72. Tổ chức lại Công ty	Khoản 4, Điều 72 4. Thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 202 của Luật Doanh nghiệp.	Khoản 4, Điều 72 4. Thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 208 của Luật Doanh nghiệp.	Điều 208 Luật Doanh nghiệp 2020 thay thế Điều 202 Luật DN 2014. Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.

**CÔNG TY CP BỘT MỖ VINAFOOD 1**